

Số: 817/2019/QĐST-HNGĐ

Củ Chi, ngày 22 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 82 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 956/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Phạm Thị M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 40A Phạm Thị Thàng, tổ 2, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn A, sinh năm 1950.

Thường trú: 40D/9 Hoài Thanh, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 8 đường 617, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173, Quyền số 1/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 12 năm 2013. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông A là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, bà M và ông A nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông A đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A xác định không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

[5] Lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, cụ thể bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, ông Phạm Văn A là người cao tuổi nên được miễn lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 173, Quyền số 1/2013 ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A xác định không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, cụ thể bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn A mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng ông A là người cao tuổi nên ông được miễn tiền lệ phí, lệ phí của bà M được khấu trừ vào số tiền bà Mai đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA /2019/0022389 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông A số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng mà ông A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA /2019/0022389 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã Phường A, Quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Quang Định